BỘ NỘI VỤ
HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC VÀ THĂNG HẠNG CDNN VIÊN CHỨC NĂM 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH CÔNG CHỨC THI MÔN NGOẠI NGỮ CA 01
KỲ THI NÂNG NGẠCH CHUYÊN VIÊN CHÍNH NĂM 2020
Địa điểm: Phòng máy số 05, Tầng 3, Nhà D

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Số báo danh	Chức vụ, chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị công tác	Được miễn thi ngoại ngữ	Ngoại ngữ dự thi
			Nam	Nữ					
(1)	*(2)*		*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
1	Nguyễn Thế	Hanh	26/06/1980		**1102**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
2	Nguyễn Bích	Hạnh		10/11/1980	**1103**	Chuyên viên	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh
3	Đoàn Thị	Hạnh		13/8/1978	**1104**	Chuyên viên	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh
4	Hoàng Thị Thu	Hạnh		02/07/1982	**1105**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
5	Nguyễn Hữu	Hạnh	11/01/1969		**1106**	Phó Trưởng phòng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
6	Phan Thị	Hạnh		04/6/1976	**1107**	Chuyên viên	Ủy ban Dân tộc		Tiếng Anh
7	Quách Văn	Hào	09/7/1976		**1108**	Phó Trưởng phòng	Văn phòng UBND tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh
8	Mai Văn	Hiến	17/11/1983		**1111**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
9	Bùi Thị	Hiền		25/02/1977	**1113**	Trưởng phòng	Ủy ban Dân tộc		Tiếng Anh
10	Phạm Văn	Hiệp	26/5/1987		**1114**	Chuyên viên	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Số báo danh	Chức vụ, chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị công tác	Được miễn thi ngoại ngữ	Ngoại ngữ dự thi
			Nam	Nữ					
11	Vũ Đức	Hiếu	13/12/1983		**1115**	Trưởng phòng	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
12	Chu Quốc	Hiệu	05/10/1968		**1117**	Chủ tịch	UBND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh
13	Kiều Thanh	Khắc	08/11/1981		**1119**	Trưởng phòng	UBND thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh
14	Phạm Khải	Hòa	29/1/1971		**1120**	Phó Chánh Văn phòng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
15	Lê Xuân	Hòa	09/11/1984		**1121**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
16	Đậu Thị	Hoan		27/01/1975	**1122**	Chuyên viên	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh
17	Nguyễn Duy	Hoan	12/3/1977		**1123**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
18	Trần Huy	Hoàng	05/08/1983		**1124**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
19	Nguyễn Thế	Hoàng	08/9/1972		**1125**	Trưởng phòng	Ủy ban Dân tộc		Tiếng Anh
20	Đặng Quý	Hợp	24/10/1983		**1129**	Phó Trưởng phòng	Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh
21	Phạm Khắc	Huân	30/6/1982		**1130**	Phó Trưởng Ban	HĐND tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh
22	Lưu Thị	Huế		11/2/1978	**1131**	Chuyên viên	Bộ Xây dựng		Tiếng Anh
23	Đồng Thị	Huệ		25/8/1980	**1132**	Chuyên viên	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh
24	Phạm Công	Hùng	10/11/1976		**1133**	Chuyên viên	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Số báo danh	Chức vụ, chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị công tác	Được miễn thi ngoại ngữ	Ngoại ngữ dự thi
			Nam	Nữ					
25	Nguyễn Mạnh	Hùng	19/9/1979		**1134**	Chuyên viên	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh
26	Trần Văn	Hùng	10/09/1979		**1136**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
27	Uông Đình	Hùng	12/12/1973		**1137**	Phó Trưởng phòng	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
28	Nguyễn Mạnh	Hùng	22/8/1967		**1138**	Phó Cục trưởng	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
29	Đặng Trọng	Hùng	30/08/1979		**1139**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
30	Nguyễn Quang	Hùng	15/6/1969		**1140**	Phó Chánh VP	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
31	Lê Việt	Hùng	04/3/1979		**1141**	Phó Vụ trưởng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh